

Vai trò của truyền thông góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở tỉnh Nghệ An

TS. NGUYỄN VĂN THẮNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Email: nguyenvanthang@hcam.vn

TS. NGUYỄN VĂN ĐIỀU

Trường Chính trị tỉnh Nghệ An

Email: dieutuyengiao@gmail.com

Nhận ngày 24 tháng 12 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 2 năm 2026.

Tóm tắt: Tảo hôn là một vấn đề xã hội phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dân số, giáo dục, bình đẳng giới và sự phát triển bền vững của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tại Nghệ An, tình trạng tảo hôn vẫn còn phổ biến do tác động của phong tục, tập quán, điều kiện kinh tế - xã hội và hạn chế trong nhận thức pháp luật, nhất là ở các xã khu vực phía Tây. Trong bối cảnh đó, công tác truyền thông đóng vai trò đặc biệt quan trọng, không chỉ là kênh cung cấp thông tin mà còn là công cụ định hướng nhận thức vào chính sách của Đảng và Nhà nước, thay đổi hành vi và củng cố niềm tin của cộng đồng. Bài viết nhằm nhận diện vai trò, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp của công tác truyền thông góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở tỉnh Nghệ An hiện nay.

Từ khóa: vai trò truyền thông; phòng, chống tảo hôn; vùng dân tộc thiểu số và miền núi Nghệ An.

Abstract: Child marriage is a complex social issue that directly affects population quality, education, gender equality, and the sustainable development of ethnic minority and mountainous regions. In Nghe An province, child marriage remains prevalent due to the influence of customs and traditions, socio-economic conditions, and limited legal awareness, particularly in the western communes of the province. In this context, communication plays a particularly important role, not only as a channel for information dissemination but also as a tool for shaping awareness in line with the policies of the Party and the State, changing behaviors, and strengthening community trust. The article aims to identify the role of communication, assess its current situation, and propose solutions to enhance communication efforts in order to reduce child marriage in ethnic minority and mountainous areas of Nghe An province today.

Keywords: role of communication; child marriage prevention and control; ethnic minority and mountainous areas of Nghe An.

1. Đặt vấn đề

Tảo hôn là vấn đề xã hội nhức nhối, tồn tại dai dẳng trong đời sống của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam. Mặc dù pháp luật đã nghiêm cấm và có nhiều biện pháp can thiệp nhằm giảm thiểu tình trạng này, song tình trạng kết hôn khi chưa đủ tuổi quy định vẫn tương đối phổ biến, nhất là ở các vùng đồng bào DTTS, việc này kéo theo nhiều hệ lụy về sức khỏe sinh sản, giáo dục và chất lượng dân số. Nhằm giải quyết vấn đề này, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, trong đó Quyết định số 498/QĐ-TTg (2015) về Đề án giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; trong đó, xác định

truyền thông là giải pháp trọng tâm, hướng tới nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật và thay đổi hành vi tảo hôn của đồng bào DTTS.

Tại các xã miền Tây của tỉnh Nghệ An, là nơi sinh sống của nhiều đồng bào DTTS như: Thái, Thổ, Mông, Ô Đu, Khơ Mú... tình trạng tảo hôn vẫn diễn ra phức tạp; nguyên nhân bắt nguồn từ yếu tố văn hóa xã hội, như: phong tục, tập quán lạc hậu, nhận thức hạn chế, kinh tế khó khăn, thiếu thông tin,... thậm chí không ít người dân vùng DTTS và miền núi vẫn coi tảo hôn là việc “bình thường”, giúp duy trì nòi giống và bảo đảm nguồn lực lao động cho gia đình. Trước tình hình đó, công tác truyền thông có

vai trò then chốt trong việc nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hướng tới phát triển bền vững vùng DTTS và miền núi. Tuy nhiên, công tác truyền thông về tình trạng tảo hôn vùng DTTS và miền núi trên cả nước nói chung, ở tỉnh Nghệ An nói riêng còn nhiều hạn chế, mang nặng tính hình thức, thiếu tương tác, nội dung khô cứng, chưa sát với văn hóa tộc người; đội ngũ làm truyền thông chưa được đào tạo chuyên sâu; công cụ truyền thông mới chưa được khai thác hiệu quả;... Do đó, việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn vùng DTTS và miền núi ở tỉnh Nghệ An hiện nay là yêu cầu cấp thiết, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững tộc người trong bối cảnh mới hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của truyền thông trong việc giảm thiểu tình trạng tảo hôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

“Truyền thông là quá trình trao đổi thông tin, tương tác thông tin giữa hai hoặc nhiều người với nhau nhằm tăng cường sự hiểu biết và thay đổi nhận thức, tiến tới điều chỉnh hành vi và thái độ phù hợp với nhu cầu phát triển của cá nhân, của nhóm, của cộng đồng và của toàn xã hội”(Nguyễn Thị Như Hoa, 2022).

Trong xã hội hiện đại, với sự phát triển nhanh chóng của Internet, mạng xã hội và các phương tiện khác thì truyền thông đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong mọi mặt đời sống; truyền thông không chỉ là kênh cung cấp thông tin, mà còn là công cụ định hướng dư luận xã hội, hình thành nhận thức pháp luật, thúc đẩy thay đổi hành vi và lan tỏa những giá trị tích cực. Với tính chất đó, truyền thông trở thành trụ cột quan trọng trong hệ thống các giải pháp nhằm giảm thiểu những tồn tại bất cập trong đời sống, thúc đẩy xã hội phát triển tiến bộ và văn minh. Như vậy, công tác phòng chống nạn tảo hôn ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, truyền thông có vai trò rất quan trọng, thể hiện rõ trên một số khía cạnh như:

Thứ nhất, truyền thông giữ vai trò là kênh phổ biến, giáo dục pháp luật, giúp đồng bào DTTS hiểu rõ quy định của pháp luật về độ tuổi kết hôn, quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân, đồng thời nhận thức được hậu quả pháp lý của hành vi tảo hôn. Theo

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc kết hôn phải tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, và tuân theo quy định về độ tuổi, nam từ đủ 20 tuổi trở lên và nữ từ đủ 18 tuổi trở lên, đây là độ tuổi đủ trưởng thành về mặt tâm sinh lý, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, tại nhiều xã vùng DTTS và miền núi ở phía Tây tỉnh Nghệ An, do rào cản ngôn ngữ, thiếu hiểu biết pháp luật và tác động của phong tục, tập quán, người dân vẫn xem việc kết hôn sớm là điều bình thường. Do đó, công tác truyền thông pháp luật thông qua hệ thống đài phát thanh, truyền hình cơ sở, pano, tờ rơi, hoặc các buổi sinh hoạt cộng đồng có ý nghĩa đặc biệt trong việc đưa pháp luật đến gần với đời sống của đồng bào. Khi người dân hiểu rõ rằng tảo hôn không chỉ trái với phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới mà còn vi phạm pháp luật, họ sẽ dần hình thành thái độ tôn trọng pháp luật và thay đổi hành vi theo hướng tích cực.

Thứ hai, truyền thông là công cụ quan trọng để thay đổi nhận thức, hành vi xã hội, góp phần làm chuyển biến tư duy của cộng đồng về hôn nhân, gia đình và bình đẳng giới. Ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, nhiều hủ tục và quan niệm lạc hậu vẫn chi phối mạnh mẽ đời sống xã hội, trong đó có tư tưởng “trưởng thành sớm thì nên lập gia đình”, “con gái lớn tuổi mà chưa lấy chồng là xấu hổ”, hay “hôn nhân do cha mẹ sắp đặt là đạo lý truyền thống”. Các hình thức truyền thông linh hoạt, gần gũi như sân khấu hóa, tiểu phẩm dân gian, câu lạc bộ “Phụ nữ không tảo hôn”, các buổi tuyên truyền bằng song ngữ đã chứng minh hiệu quả trong việc thay đổi dần những quan niệm đó. Thông qua truyền thông, những hình mẫu tích cực, những câu chuyện thành công về thanh niên DTTS học tập, lập nghiệp vươn lên thoát nghèo được lan tỏa, từ đó tạo sức ảnh hưởng và khích lệ cộng đồng hành động theo hướng tích cực.

Thứ ba, truyền thông đóng vai trò kết nối, phối hợp và huy động nguồn lực xã hội cho công tác phòng, chống tảo hôn. Đây là một nhiệm vụ mang tính liên ngành, cần sự vào cuộc của nhiều cơ quan, tổ chức như Sở Dân tộc và Tôn giáo, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục, Sở Y tế cùng chính quyền cấp cơ sở... Truyền thông chính là cầu nối giữa các chủ thể này, giúp định hướng thông tin, thống nhất nội dung tuyên truyền, và nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả. Vì

dụ, mô hình “Thôn, bản không tảo hôn” hay “Gia đình, dòng họ nói không với tảo hôn” ở các xã Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong của tỉnh đều được nhân rộng nhờ vào hiệu quả truyền thông cộng đồng. Khi truyền thông được thực hiện bài bản, có chiến lược và phối hợp đồng bộ, hiệu ứng lan tỏa xã hội sẽ được tăng cường, góp phần tạo nên phong trào tự giác phòng, chống tảo hôn từ cơ sở.

Thứ tư, truyền thông đóng vai trò cảnh báo và phòng ngừa sớm các nguy cơ xã hội phát sinh từ tảo hôn. Thực tế cho thấy, tảo hôn kéo theo hàng loạt hệ lụy nghiêm trọng, như: trẻ em gái sinh con khi chưa đủ tuổi dễ gặp biến chứng về sức khỏe sinh sản; trẻ em bị gián đoạn học tập, giảm cơ hội việc làm; tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng giới qua nhiều thế hệ. Truyền thông giúp cộng đồng nhận diện rõ những hậu quả, và từ đó chủ động nâng cao nhận thức, chủ động ngăn ngừa và bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Các chiến dịch truyền thông hiệu quả không chỉ dừng ở việc phổ biến thông tin, mà còn hướng đến thay đổi chuẩn mực xã hội, hình thành lối sống lành mạnh, văn minh, tôn trọng pháp luật. Ở nhiều địa phương vùng đồng bào DTTS và miền núi trên cả nước, các buổi chiếu phim lưu động, truyền thông kết hợp tư vấn sức khỏe sinh sản vị thành niên, hay tuyên truyền qua mạng xã hội của thanh niên địa phương đã giúp nâng cao đáng kể ý thức của cộng đồng.

Thứ năm, truyền thông góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, qua đó tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trong thực hiện công tác phòng, chống tảo hôn. Khi người dân được tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác, họ hiểu rằng công tác phòng, chống tảo hôn không nhằm áp đặt hay bài trừ phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp, mà nhằm bảo vệ quyền, lợi ích và tương lai của thế hệ trẻ. Thông điệp “Phòng, chống tảo hôn là bảo vệ tương lai con em chúng ta” khi được lan tỏa đúng cách sẽ tạo sự đồng thuận xã hội sâu rộng. Chính sự đồng thuận ấy là nền tảng vững chắc để các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta được triển khai hiệu quả, gắn kết giữa mục tiêu phát triển kinh tế với phát triển con người - yếu tố then chốt của phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, truyền thông còn là công cụ quản lý, giám sát và đánh giá chính sách công. Trong quá

trình thực hiện Đề án 498/QĐ-TTg và các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, truyền thông đóng vai trò phản ánh thực tiễn, phát hiện khó khăn, bất cập và kiến nghị giải pháp điều chỉnh chính sách phù hợp. Nhiều thông tin phản hồi từ cơ sở, như tình trạng kết hôn không đăng ký, sự thiếu phối hợp giữa cơ quan quản lý và chính quyền địa phương được ghi nhận qua hệ thống truyền thông, từ đó giúp cơ quan chức năng có cơ sở khoa học xây dựng chính sách sát thực tế hơn. Đồng thời tạo diễn đàn để người dân tham gia thảo luận, bày tỏ quan điểm, đóng góp sáng kiến. Đây chính là biểu hiện của quản trị nhà nước hiện đại, lấy người dân làm trung tâm của quá trình hoạch định và thực thi chính sách.

Không thể phủ nhận rằng, trong điều kiện phát triển công nghệ số hiện nay, truyền thông số và mạng xã hội đang mở ra hướng đi mới cho công tác phòng, chống tảo hôn. Thanh thiếu niên DTTS, nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của tảo hôn ngày càng có xu hướng tiếp cận thông tin qua các công cụ, phương tiện chuyển tải mới như: điện thoại thông minh, mạng xã hội, video ngắn. Do đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin, sản xuất nội dung truyền thông sinh động, dễ hiểu, bằng ngôn ngữ địa phương và hình thức trực quan sẽ giúp thông điệp lan tỏa nhanh hơn, sâu hơn. Một số mô hình điểm ở Nghệ An như “Tuyên truyền qua Facebook, Zalo của thanh niên bản”, “Podcast pháp luật bằng tiếng Thái, tiếng Mông” đã bước đầu cho thấy hiệu quả thiết thực (Bảo Ngọc, 2024). Đây là hướng phát triển tất yếu, cần được đầu tư và nhân rộng trong giai đoạn tới.

Như vậy, có thể khẳng định, công tác truyền thông là một trong những giải pháp cốt lõi, mang tính quyết định đối với hiệu quả phòng, chống tảo hôn vùng đồng bào DTTS. Thông qua truyền thông, pháp luật được lan tỏa, nhận thức được nâng cao, hành vi xã hội được điều chỉnh, và sức mạnh cộng đồng được phát huy. Đây là quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì, sáng tạo và đồng hành của toàn hệ thống chính trị. Đẩy mạnh truyền thông không chỉ là biện pháp hỗ trợ, mà chính là nền tảng để xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ, nơi mỗi thanh thiếu niên DTTS được phát triển toàn diện, tự chủ và có cơ hội vươn lên thoát nghèo bền vững.

2.2. Thực trạng công tác truyền thông trong phòng, chống tảo hôn tại vùng đồng bào dân tộc thiểu

số trên địa bàn các xã miền Tây, tỉnh Nghệ An

Trong những năm qua, công tác truyền thông về phòng, chống tảo hôn tại vùng đồng bào DTTS ở các xã miền Tây tỉnh Nghệ An đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan chuyên môn quan tâm triển khai với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Nhờ đó, nhận thức của một bộ phận người dân về quyền trẻ em, bình đẳng giới, quy định pháp luật về độ tuổi kết hôn đã từng bước được nâng lên.

Giai đoạn	Tỷ lệ tảo hôn ở vùng DTTS (%)	Số trường hợp tảo hôn ước tính/năm	Xu hướng
2019 - 2020	20 - 23%	Trên 200 trường hợp	Mức cao, diễn biến phức tạp
2021 - 2022	17 - 19%	Khoảng 150 - 180 trường hợp	Giảm nhẹ
2023 - 2024	14 - 16%	Khoảng 120 - 140 trường hợp	Giảm nhưng chưa bền vững

Tình hình tảo hôn ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2019 - 2024

Có thể khẳng định rằng, các cấp chính quyền và đoàn thể của tỉnh Nghệ An đã chủ động triển khai nhiều chương trình, kế hoạch truyền thông nhằm thực hiện Đề án 498/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS giai đoạn 2015 - 2025. Tỉnh Nghệ An, thông qua Ban Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh đoàn, Sở Văn hóa Thể thao, cùng các xã miền núi như Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong, Con Cuông, Quỳnh Châu..., đã xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, lồng ghép vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và bình đẳng giới. Các hình thức tuyên truyền phổ biến như hội nghị, tọa đàm, sinh hoạt cộng đồng, nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền lưu động, phát thanh bằng tiếng dân tộc, hoặc chiếu phim pháp luật đã được triển khai thường xuyên. Một số mô hình điểm như “Thôn bản không tảo hôn”, “Gia đình, dòng họ nói không với tảo hôn”, “Phụ nữ và thanh niên chung tay đẩy lùi tảo hôn” đã được xây dựng và nhân rộng ở một số xã miền Tây của tỉnh như: Con Cuông, Tương Dương, Muồng Xén..., bước đầu tạo ra sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành vi của cộng đồng.

Hệ thống truyền thanh cơ sở tại các xã miền núi đã phát huy được vai trò là kênh thông tin quan trọng trong việc phổ biến chính sách, pháp luật và thông tin về hôn nhân, gia đình. Các bản tin, chương trình tuyên truyền bằng tiếng Thái, tiếng Mông, tiếng Khơ Mú, tiếng Thổ đã được một số địa phương như Nậm Cắn, Na Loi, Tam Hợp,... thực hiện, giúp đồng bào dễ dàng tiếp nhận thông tin, hiểu và làm theo. Ngoài ra, các tổ chức như Hội Liên hiệp Phụ nữ và Đoàn Thanh niên đã phát huy tốt vai trò trong việc tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, sân khấu hóa tiểu phẩm tuyên truyền, giao lưu văn hóa, văn nghệ, lồng ghép thông điệp: “Không tảo hôn, không hôn nhân cận huyết thống” ở địa phương của các xã Quỳnh Hợp, Tam Hợp, Châu Tiến,... trong năm 2024, 2025 đã tổ chức được mỗi năm hàng chục buổi sinh hoạt chuyên đề, sân khấu hóa với nhiều tiểu phẩm hay có ý nghĩa thiết thực, tạo hiệu ứng xã hội sâu rộng. Những nỗ lực đó đã góp phần quan trọng trong việc giảm tỷ lệ tảo hôn ở một số địa phương, đồng thời thúc đẩy phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới tại vùng đồng bào DTTS và miền núi. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả bước đầu, thực trạng công tác truyền thông về giảm thiểu tình trạng tảo hôn vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Nghệ An hiện nay vẫn bộc lộ nhiều hạn chế.

Về nội dung và hình thức truyền thông, nhiều chương trình tuyên truyền vẫn mang tính hình thức, chung chung, chưa thật sự đi sâu vào đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ và phong tục của từng nhóm DTTS. Nội dung tuyên truyền còn khô cứng, thiếu hình ảnh, thiếu tính tương tác, chưa gắn với các ví dụ thực tiễn gần gũi trong đời sống hằng ngày của người dân, hoặc một tiểu phẩm được diễn ở nhiều xã khác nhau cho các tộc người khác nhau nghe, xem. Việc xây dựng tài liệu tuyên truyền song ngữ hoặc hoàn toàn bằng ngôn ngữ DTTS vẫn còn hạn chế, trong khi đây lại là yếu tố rất quan trọng để người dân có thể hiểu sâu, nhớ lâu và chuyển hóa thành hành vi. Hình thức tuyên truyền truyền thống như pa-nô, khẩu hiệu, loa phát thanh, phát tờ rơi vẫn chiếm ưu thế, nhưng chưa đủ sức hấp dẫn trong bối cảnh công nghệ số phát triển, trong khi đó các hình thức truyền thông hiện đại, như mạng xã hội, video ngắn, ứng dụng di động, clip truyền cảm hứng lại chưa được khai thác hiệu quả tại địa phương (Đề tài khoa học số 02/2024).

Về đối tượng và phạm vi tiếp cận, các hoạt động truyền thông hiện nay chưa thật sự bao phủ hết các nhóm mục tiêu trọng yếu. Trong nhiều chiến dịch, nhóm đối tượng thanh thiếu niên, vốn là lứa tuổi có nguy cơ cao về tảo hôn lại ít được tiếp cận trực tiếp, hoặc chỉ được tiếp cận qua hình thức truyền thông thụ động. Bên cạnh đó, những người có ảnh hưởng lớn trong cộng đồng như trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, người có uy tín, những người giữ vai trò quyết định trong việc định hướng hành vi của thế hệ trẻ lại chưa được tiếp cận thường xuyên để cung cấp thông tin, phát huy vai trò của họ trong truyền thông vận động người dân. Một số xã vùng sâu, vùng cao, giao thông cách trở, dân cư phân tán như: Bắc Lý, Huồi Tụ, Keng Đu, Mường Lống, Mỹ Lý (thuộc huyện Kỳ Sơn cũ) và các xã Tiên Phong, Tri Lễ, Mường Quảng, Thông Thụ (thuộc huyện Quế Phong cũ)... , dẫn đến việc tổ chức các hoạt động truyền thông gặp nhiều khó khăn, tần suất không đều, thiếu tính liên tục, nên hiệu quả lan tỏa chưa cao.

Về nguồn lực và đội ngũ cán bộ truyền thông, phần lớn cán bộ phụ trách công tác dân tộc, văn hóa hoặc tuyên truyền tại cơ sở phải kiêm nhiệm nhiều công việc, chưa được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng truyền thông cộng đồng, đặc biệt là truyền thông thay đổi hành vi trong vùng DTTS và miền núi. Kinh phí đầu tư cho hoạt động truyền thông còn hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào các dự án, đề án hoặc chương trình mục tiêu quốc gia, nên thiếu tính ổn định, bền vững. Trang thiết bị phục vụ truyền thông như loa, máy chiếu, hệ thống phát thanh, tài liệu minh họa... ở nhiều địa phương còn thiếu thốn, xuống cấp, chậm được đầu tư mới. Ngoài ra, công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng đôi khi chưa đồng bộ, dẫn đến trùng lặp nội dung hoặc phân tán nguồn lực, làm giảm hiệu quả tổng thể của hoạt động.

Về kết quả tác động, tình trạng tảo hôn vẫn tập trung chủ yếu trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, với sự chênh lệch rõ rệt giữa các nhóm dân tộc và giữa nam - nữ. Trên phạm vi cả nước, theo số liệu thống kê năm 2023, tổng số trường hợp tảo hôn được ghi nhận trên toàn quốc lên tới hơn 24 nghìn trường hợp, trong đó nữ chiếm tỷ lệ cao hơn đáng kể so với nam. Một số dân tộc có số lượng và tỷ lệ tảo hôn cao nổi bật như Mông, Thái, Mường, Dao, Khơ Mú, Bru Vân Kiều (Hiện nay, sau khi thực hiện sáp nhập

chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã (từ ngày 1/7/2025) ..., cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa tình trạng tảo hôn với điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán truyền thống cũng như mức độ tiếp cận thông tin và truyền thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong bối cảnh chung đó, tại tỉnh Nghệ An - địa phương có địa bàn miền núi rộng, đồng đồng bào DTTS sinh sống, tình trạng tảo hôn mặc dù đã có những chuyển biến tích cực nhờ sự vào cuộc của các cấp, các ngành, song vẫn còn diễn ra ở mức cao tại nhiều xã miền Tây của tỉnh. Kết quả khảo sát cho thấy tảo hôn tập trung chủ yếu trong các nhóm dân tộc Mông, Thái và Khơ Mú, với tỷ lệ dao động từ khoảng 15% đến 25% tùy từng khu vực, cao hơn mức trung bình của toàn tỉnh ((Đề tài khoa học số 02/2024). Trong khi, một bộ phận người dân vẫn duy trì quan niệm “lấy vợ, lấy chồng sớm để ổn định cuộc sống”, “con gái lớn mà chưa lập gia đình là điều đáng lo”, hoặc “kết hôn sớm để có thêm người lao động cho gia đình”. Tình trạng “tảo hôn ngầm”, tức là tổ chức lễ cưới, sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn vẫn khá phổ biến, gây khó khăn cho công tác quản lý và tuyên truyền. Những hậu quả về sức khỏe, giáo dục, kinh tế do tảo hôn gây ra vẫn còn hiện hữu, nhưng chưa được phản ánh và truyền thông một cách mạnh mẽ, thường xuyên, khiến cộng đồng chưa nhận thức đầy đủ tính nghiêm trọng của vấn đề.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, đó là: 1) Ảnh hưởng sâu sắc của yếu tố văn hóa phong tục tập quán trong cộng đồng DTTS. Ở nhiều nơi như Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Con Cuông... tập quán “cưới thử” hoặc quan niệm về trưởng thành sớm vẫn còn tồn tại, khiến việc thay đổi hành vi hôn nhân trở nên khó khăn nếu chỉ dựa vào các thông điệp tuyên truyền pháp luật đơn thuần. 2) Rào cản ngôn ngữ khiến công tác truyền thông gặp trở ngại lớn, đặc biệt với các nhóm địa phương sử dụng ngôn ngữ riêng biệt như người Mông, người Khơ Mú. 3) Hạn chế về cơ sở hạ tầng truyền thông ở vùng sâu, vùng xa, nơi sóng phát thanh, truyền hình, mạng Internet chưa phủ sóng ổn định, dẫn đến người dân khó tiếp cận thông tin kịp thời, đầy đủ. 4) Nguồn lực tài chính và nhân sự dành cho công tác truyền thông ở cấp xã, thôn bản còn mỏng, thiếu tính chuyên nghiệp. 5) Việc giám sát, đánh giá hiệu quả truyền thông chưa được thực hiện thường

xuyên, chưa có hệ thống chỉ số cụ thể để đo lường mức độ thay đổi nhận thức và hành vi của người dân sau tuyên truyền (Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An - Sở Dân tộc và Tôn giáo (2025).

2.3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng truyền thông trong phòng, chống tảo hôn tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các xã miền Tây, tỉnh Nghệ An

Một là, hoàn thiện cơ chế, chính sách và xây dựng chiến lược truyền thông đặc thù vùng dân tộc thiểu số

Cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách truyền thông về phòng, chống tảo hôn nhằm bảo đảm sự thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Tỉnh Nghệ An nên ban hành Chiến lược truyền thông dài hạn giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2045 về giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, phù hợp với điều kiện địa lý, ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào DTTS. Chiến lược cần xác định mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, phân định rõ vai trò, trách nhiệm của từng ngành, địa phương và gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, bình đẳng giới, xây dựng nông thôn mới. Cùng với đó, các xã cần cụ thể hóa bằng kế hoạch truyền thông hằng năm, xác định nhóm đối tượng trọng tâm như thanh thiếu niên, phụ nữ, phụ huynh, già làng, trưởng bản... Đồng thời, đưa tiêu chí “không có tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống” vào Bộ tiêu chí công nhận thôn bản, gia đình văn hóa, coi đó là thước đo văn minh cộng đồng. Việc tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá thường xuyên và sơ kết, tổng kết định kỳ sẽ giúp hoạt động truyền thông được triển khai đồng bộ, thực chất và bền vững.

Hai là, đổi mới nội dung, hình thức truyền thông phù hợp văn hóa - ngôn ngữ bản địa

Hiệu quả truyền thông chỉ đạt được khi có thông điệp gần gũi, dễ hiểu và phù hợp với đời sống văn hóa của đồng bào DTTS. Do đó, cần đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp truyền thông theo hướng ngắn gọn, sinh động, mang tính thuyết phục và nhân văn. Thông điệp truyền thông nên nhấn mạnh lợi ích của việc kết hôn đúng tuổi, hậu quả của tảo hôn và gắn với các giá trị tích cực như học tập, phát triển bản thân, hạnh phúc gia đình. Hình thức truyền thông cần được đa dạng hóa, kết hợp hài hòa giữa kênh truyền thống (loa phát thanh, sinh hoạt

thôn, bản, hội thi, sân khấu hóa) với kênh hiện đại (mạng xã hội, fanpage, video ngắn, Zalo cộng đồng). Nội dung tuyên truyền nên được thể hiện bằng song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc, gắn với phong tục và ngôn ngữ địa phương. Bên cạnh đó, cần lồng ghép tuyên truyền phòng, chống tảo hôn vào các phong trào cộng đồng, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và bình đẳng giới. Việc đổi mới phương pháp theo hướng đối thoại, trải nghiệm, tăng tương tác trực tiếp với người dân sẽ giúp truyền thông trở nên sinh động, dễ tiếp nhận và tạo hiệu quả chuyển đổi hành vi rõ rệt.

Ba là, phát huy vai trò của người có uy tín, các tổ chức chính trị - xã hội và hệ thống trường học

Người có uy tín, các tổ chức chính trị - xã hội và trường học là những lực lượng nòng cốt trong công tác truyền thông phòng, chống tảo hôn. Cần lựa chọn, bồi dưỡng già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng để làm “đại sứ truyền thông”, trực tiếp vận động, tuyên truyền tại các sự kiện văn hóa, sinh hoạt cộng đồng. Bên cạnh đó, cần có cơ chế khuyến khích, khen thưởng nhằm động viên lực lượng này phát huy vai trò tích cực. Các tổ chức như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc cần đổi mới hình thức hoạt động truyền thông, duy trì các mô hình “Phụ nữ với pháp luật hôn nhân”, “Thanh niên nói không với tảo hôn”, “Bản văn hóa không tảo hôn”... tạo diễn đàn giao lưu, tọa đàm, sân khấu hóa nhằm tăng tính lan tỏa. Hệ thống giáo dục, đặc biệt là các trường dân tộc nội trú, bán trú, cần lồng ghép nội dung tuyên truyền về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản vào các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, hướng tới mô hình “Trường học thân thiện - không tảo hôn”.

Bốn là, nâng cao năng lực và chuyên nghiệp hóa đội ngũ truyền thông cơ sở

Đội ngũ cán bộ truyền thông cơ sở là nhân tố quyết định hiệu quả công tác truyền thông. Cần tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi, dân vận, sử dụng công nghệ số và phương pháp tiếp cận cộng đồng cho cán bộ cơ sở. Mỗi xã, bản nên có đội ngũ cộng tác viên truyền thông am hiểu ngôn ngữ, phong tục và có uy tín trong cộng đồng để trực tiếp thực hiện tuyên truyền. Bên cạnh đó, cần tăng cường

đầu tư cho hệ thống truyền thanh - truyền hình cơ sở, trang bị phương tiện kỹ thuật, thiết bị nghe nhìn phục vụ tuyên truyền. Thiết lập mạng lưới truyền thông liên thông từ tỉnh đến xã, bản nhằm chia sẻ thông tin, tài liệu, kinh nghiệm, đồng thời có cơ chế động viên, tôn vinh kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích trong công tác truyền thông.

Năm là, bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho hoạt động truyền thông

Nguồn lực tài chính ổn định và cơ sở vật chất đầy đủ là điều kiện tiên quyết để công tác truyền thông đạt hiệu quả lâu dài. Tỉnh Nghệ An cần xây dựng cơ chế phân bổ kinh phí riêng cho hoạt động truyền thông phòng, chống tảo hôn, đồng thời lồng ghép vào các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi. Các địa phương phải chủ động bố trí, sử dụng kinh phí hiệu quả, tập trung cho các hoạt động trực tiếp tiếp cận người dân. Song song với đó, cần đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức xã hội, dự án phát triển cộng đồng để hỗ trợ trang thiết bị, tài liệu truyền thông, tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, mô hình “bản không tảo hôn”. Việc đầu tư cơ sở vật chất và xây dựng “tủ tài liệu truyền thông” tại nhà văn hóa, trường học, trạm y tế giúp duy trì hoạt động tuyên truyền thường xuyên, thiết thực và bền vững.

Sáu là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông số

Trong xu thế chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào truyền thông là hướng đi tất yếu. Cần xây dựng hệ thống truyền thông số đa nền tảng kết nối giữa công thông tin điện tử, mạng xã hội, fan-page, Zalo, YouTube, TikTok... nhằm cung cấp liên tục các sản phẩm truyền thông bằng tiếng dân tộc, dễ hiểu, hấp dẫn và phù hợp với giới trẻ. Các cơ quan báo chí, tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể cần phát triển chuyên trang, chuyên mục, video, podcast, câu chuyện người thật - việc thật về phòng, chống tảo hôn, tạo không gian đối thoại và lan tỏa thông điệp tích cực. Khuyến khích thanh niên DTTS trở thành “đại sứ truyền thông số”, sản xuất vlog, video ngắn, podcast lan tỏa nội dung tích cực. Đồng thời, đầu tư hạ tầng công nghệ, mở rộng vùng phủ sóng Internet, phát thanh, truyền hình để đồng bào vùng sâu, vùng xa được tiếp cận thông tin, góp phần thu hẹp khoảng cách số và nâng cao hiệu quả truyền

thông bền vững.

3. Kết luận

Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống là những vấn đề xã hội nhức nhối, để lại nhiều hệ lụy cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, dân trí và chất lượng giống nòi ở vùng đồng bào DTTS. Thực tế tại các xã miền Tây tỉnh Nghệ An cho thấy, mặc dù đã có nhiều chính sách, chương trình, mô hình được triển khai, song tình trạng tảo hôn vẫn còn diễn biến phức tạp, nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức hạn chế, tập quán lạc hậu và điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Do đó, việc tăng cường, đổi mới và chuyên nghiệp hóa công tác truyền thông là giải pháp mang tính then chốt, lâu dài và bền vững trong phòng, chống tảo hôn. Truyền thông phải được xem là nhiệm vụ chính trị quan trọng, được tổ chức bài bản, có kế hoạch, gắn với từng nhóm đối tượng cụ thể, dựa trên văn hóa, ngôn ngữ và phong tục của đồng bào các DTTS. Khi người dân hiểu đúng pháp luật, thay đổi nhận thức và hành vi, công tác phòng, chống tảo hôn mới thực sự đạt hiệu quả. Với sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, sự vào cuộc của các cơ quan, đoàn thể, cùng sự hưởng ứng của cộng đồng, tin tưởng rằng công tác truyền thông phòng, chống tảo hôn tại vùng đồng bào DTTS các xã miền Tây Nghệ An sẽ ngày càng đi vào chiều sâu, tạo chuyển biến rõ nét, góp phần xây dựng cộng đồng dân tộc tiến bộ, bình đẳng, văn minh, vì mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Nghệ An và của cả nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bảo Ngọc (2024). *Nhiều đổi mới sáng tạo trong công tác truyền thông dân số tại Nghệ An*. (đăng tải ngày 29/12/2024, truy cập ngày 16/12/2025).
2. Hiện nay, sau khi thực hiện sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã (từ ngày 1/7/2025), tại mỗi xã chỉ còn 01 viên chức phụ trách công tác truyền thông.
3. Nguyễn Thị Như Hoa (2022). *Vai trò của truyền thông chính sách trong bối cảnh mới. Kinh tế và Dự báo*. <https://kinhtevadubao.vn> (đăng tải ngày 21/6/2022, truy cập ngày 16/12/2025).
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An - Sở Dân tộc và Tôn giáo (2025). *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn giai đoạn 2019 - 2024*.
5. Theo kết quả nghiên cứu, đánh giá thực trạng của nhóm nghiên cứu đề tài khoa học: “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tảo hôn trong đồng bào một số dân tộc thiểu số ở các huyện miền Tây, tỉnh Nghệ An” (Số: 02/2024/HĐ-KHCNNA).